TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 823/2019/HC-PT
Ngày: 15 - 11 - 2019
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Trần Văn Mười

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2019/TLPT-HC ngày 5 tháng 7 năm 2019 về việc " Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi tài sản".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2019/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2277/2019/QĐ - PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Hồ Ngọc P, sinh năm: 1966 (có mặt)

  Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L: Ông Lê Văn T – Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Nguyễn Thanh H - Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện L (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Hồ Ngọc P

Các đương sự do Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm:

1/ Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn P (có mặt)

2/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 Vĩnh Long

Địa chỉ: 197 đường 14/9 Phường X5 Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H2 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2016 và quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Ngọc P trình bày: Ngày 22/01/2016 Ủy ban nhân dân huyện L (UBND) ban hành Quyết định số 428/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L về việc thu hồi tiền của ông nộp vào ngân sách nhà nước. Tại Điều 1 thu hồi số tiền 843.231.756 đồng (trong đó có 786.731.756 đồng tiền lợi tức sau đầu tư và 56.581.000 đồng tiền lãi suất chậm nộp). Ông không đồng ý vì quyết định này là trái pháp luật với các lý do sau:

1. Số tiền 786.713.756 đồng trong tổng số tiền 5.298.614.000 đồng mà Hội đồng nhân dân huyện L đã ban hành Nghị quyết số 86/2010/NQ-HĐTP ngày 29/12/2010 về việc phân phối giá trị quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư vào đất gồm: Chi trả nhà đầu tư (Hồ Ngọc P) 5.298.614.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước 9.200.311.000 đồng. Tổng cộng 14.498.925.000 đồng và cộng giá trị tăng thêm do đấu giá so với giá khởi điểm, giá thực tế đấu thành là 18 tỷ.

Số tiền 5.298.614.000 đồng nêu trên đã được UBND huyện L giao cho các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền tiến hành thẩm định giá đúng trình tự luật định, trong đó có số tiền 786.713.756 đồng là lợi tức mà ông phải được nhận trong quá trình thuê đất đầu tư nuôi cá là hợp pháp, ngay tình. Nhưng UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 06/10/2006 hủy hợp đồng thuê đất giữa ông và 18 cá nhân cũng như hủy việc xác nhận cho 18 cá nhân thuê đất này, với lý do: 18 cá nhân xin thuê đất, nuôi trồng thủy sản cho thuê lại là sai quy định của Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP. Như vậy UBND huyện hủy hợp đồng cho thuê đất giữa ông và 18 cá nhân không phải là lỗi do ông. Chính vì vậy lợi tức mà ông phải nhận được là 786.713.756 đồng là chính đáng, hợp pháp, ngay tình, đúng quy định.

2. Sau khi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H1 Vĩnh Long (TNHH) đấu giá thành với số tiền là 18 tỷ đồng, UBND huyện L đã đồng ý chi trả cho ông số tiền 5.298.614.0000 đồng, nhưng đơn vị trúng giá là Công ty TNHH H1 Vĩnh Long chỉ mới thanh toán cho UBND huyện L một phần, phần tiền của ông là 5.298.614.000 đồng kéo dài 128 ngày (đến ngày 06/8/2011).

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 05/12/2011 giữa Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất huyện L với ông là nhà đầu tư và đại diện Công ty TNHH H1 Vĩnh Long đồng ý chi trả cho ông phần lãi suất là 0,25% tháng do chậm thanh toán quy thành tiền là 56.518.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái với pháp luật của Công TNHH H1 với ông.

3. Quá trình thuê đất của ông như sau. Ngày 28/8/2004 ông ký hợp đồng thuê đất với 18 cá nhân (bao gồm Lê Minh T1, Lê Văn Đ, Nguyễn Thanh L1, Phan Thanh B, Phan Tấn T2, Nguyễn Thanh P1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thanh T4, Phạm Văn H3, Cao Văn T5, Bùi Minh Q, Nguyễn Văn T6, Đỗ Thanh H4, Phạm Văn N, Phan Vĩnh L4, Trần Văn S, Mai Minh T9, Nguyễn Thanh H) với tổng diện tích là 91.175m^2, loại đất bãi bồi chìm sâu với mặt nước tại ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thời hạn thuê là 10 năm từ 28/8/2004 đến 28/8/2014 hợp đồng được UBND huyện xác nhận. Sau khi thuê đất ông đã vay vốn Ngân hàng tích cực đầu tư vào đất như đào ao, xây dựng láng trại, nhà kho, thả cá, … với số vốn rất lớn nhưng đến ngày 06/10/2006 UBND huyện L ban hành Quyết định số 298/QĐ-UBND hủy xác nhận của UBND huyện L và hủy hợp đồng thuê đất của 18 cá nhân nêu trên với ông.

Sau đó UBND huyện L ban hành nhiều văn bản xác định đầu tư xây dựng trên đất dựa trên chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Miền Nam thì UBND huyện đã xác định tổng giá trị ông đầu tư vào là 5.298.614.000 đồng, ông đồng ý nhận số tiền này nhưng UBND huyện không đồng ý trả cho ông mà kéo dài thời gian chi trả bồi thường, ông đã có nhiều văn bản khiếu nại cuối cùng Hội đồng nhân dân huyện L đã ra Nghị quyết số 86/2010/NQ-HĐND đồng ý bồi thường cho ông số tiền nêu trên, cộng với số tiền nộp vào ngân sách nhà nước là 9.200.311.000 đồng, tổng số tiền là 14.498.925.000 đồng (Thẩm định giá). Thực tế đấu giá thành là 18 tỷ, số tiền tăng thêm sau đấu giá là hơn 3,5 tỷ nộp cho ngân sách nhà nước mà lẽ ra ông cũng được hưởng một phần từ đầu tư mà có (số tiền được hưởng hơn 01 tỷ đồng).

Riêng số tiền do chậm nộp chỉ là 0,25%/tháng so với thời điểm năm 2010 - 2011 lãi suất tiền gởi ngân hàng 1%/tháng (so ra chỉ bằng ¼ tiền gởi tiết kiệm) là thiệt thòi cho ông rất nhiều so với tiền phạt chậm trả này của Công ty TNHH H1 Vĩnh Long đã tự nguyện trả cho ông nên không thiệt hại gì cho ngân sách nhà nước. Do đó, Chủ tịch UBND huyện L thu hồi là không đúng. Nay ông yêu cầu hủy Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2006 của Chủ tịch UBND huyện L.

- Tại Công văn số 2307/UBND ngày 24/11/2016 của UBND huyện L giải trình có nội dung: Năm 2004 UBND huyện L có chủ trương quyết định cho 18 hộ có nhu cầu thuê đất thời hạn là 10 năm (Từ năm 2004-2014) tại khu đất bãi bồi ấp P, xã Đ với tổng diện tích 96.659,5m^2, mục đích nuôi trồng thủy sản. Hiện trạng khu đất được thuê là còn bãi ngầm nằm sâu dưới mặt nước. Sau đó các hộ này chưa đủ điều kiện trực tiếp khai thác, đầu tư nên cho ông Hồ Ngọc P đứng ra đầu tư chi phí hình thành nên khu đất bãi bồi để nuôi trồng thủy sản.

Năm 2006 UBND huyện ban hành các quyết định thu hồi đất tổng diện tích 96.659,5m^2 và chỉ đạo các ngành chuyên môn huyện tiến hành khảo sát đo đạc diện tích và xác định chi phí đầu tư vào đất khu đất bãi bồi xã Đ. Tuy nhiên, do tính chất quy mô diện tích đất rất lớn, việc xác định chi phí đầu tư rất phức tạp huyện không đủ khả năng, năng lực và tính pháp lý để tổ chức thực hiện việc thẩm định giá trị đất và chi phí đầu tư vào đất.

Ngày 31/3/2008 UBND huyện có Công văn số 219/UBND chỉ đạo cho Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất huyện tiến hành:

+ Thuê Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đo đạc, cấm mốc thực tế khu đất bãi bồi.

+ Thuê Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam thẩm định giá quyền sử dụng đất và chi phí đào đắp, đào ao nuôi cá khu đất bãi bồi ấp P, xã Đ.

Ngày 04/01/2010 Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam có chứng thư thẩm định số Vc 02/CT/TĐg/TTVL, kết quả như sau:

+ Giá đất: 96.659,5m^2 x 88.000 đồng/m^2 = 8.506.036.000 đồng (giá đất năm 2009 áp dụng theo quy định tại Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 là 60.000 đồng/m^2).

+ Chi phí đầu tư vào đất: 5.298.614.000 đồng, trong đó gồm:

Giá trị đầu tư còn lại (từ năm 2005-2008) sau khi khấu hao 40% là 3.266.631.632 đồng. Giá trị đã có tính lợi thế sau đầu tư là: 366.000.000 đồng.

Lợi tức đạt được nếu tiếp tục sản xuất (phương pháp tính bằng lãi suất ngân hàng trong 06 năm còn lại từ năm 2009-2014): 1.665.982.000 đồng.

Tổng giá trị khu đất bãi bồi 13.804.650.000 đồng, bình quân 142.817 đồng/m^2.

Ngày 24/6/2010 UBND huyện lập Tờ trình 80/TTr-UBND gởi Sở Tài chính tỉnh về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất và tỷ lệ % giá trị tăng thêm (kèm theo Chứng thư thẩm định).

Ngày 22/7/2010 Sở Tài chính có Tờ trình 179/TTr.STC trình UBND tỉnh phê duyệt giá sàn để bán đấu giá quyền sử dụng đất giá là 150.000 đồng/m^2. UBND tỉnh có Công văn 2339/UBND KTTH ngày 04/8/2010 phê duyệt giá sàn bán đấu giá là 150.000 đồng/m^2.

Thường trực huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện được chấp thuận phương án đấu giá là 150.000 đồng/m^2. Tổng giá trị đấu giá là 14.498.925.000 đồng (96.659,5m^2 x 150.000 đồng/m^2), trong đó:

+ Giữ nguyên giá trị chi phí đầu tư vào đất: 5.298.614.000 đồng.

+ Nộp ngân sách phần giá trị đất theo giá sàn: 9.200.311.000 đồng cộng phần giá trị tăng thêm so với giá sàn sau khi đấu giá thành.

Sau khi xem xét Tờ trình 168/TTr.UBND ngày 27/12/2010 của UBND huyện, Hội đồng nhân dân (HĐND) huyện tại kỳ họp thứ 18 ban hành Nghị quyết 86/2010/NQ.HĐND về phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư.

Ngày 07/4/2011 UBND huyện ban hành Công văn 405/UBND về việc thông báo bàn giao mặt bằng, Công văn này thể hiện: *Số tiền chi phí đầu tư vào đất là 5.298.614.000 đồng sau khi đấu giá, UBND huyện chi trả cho ông theo chủ trương đã được HĐND, UBND huyện phê duyệt.*

Ngày 25/6/2011 tổ chức đấu giá lần 2, Công ty TNHH H1 thắng cuộc (18.000.000.000 đồng).

Ngày 15/7/2011 UBND huyện ban hành Quyết định số 4836/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất.

Ngày 19/12/2011 UBND huyện chi trả chi phí đầu tư vào đất cho ông P số tiền 5.298.614.000 đồng. So với Công văn 405/UBND ngày 07/4/2011 của UBND huyện chậm trả cho ông P là 128 ngày, số tiền lãi được hưởng là 56.518.000 đồng (5.298.614.000 đồng x 128/30 x 0,25%).

- Ngày 06/3/2012 Chánh Thanh tra tỉnh ban hành Quyết định 13/QĐ-TTr về việc Thanh tra chức trách công vụ trong việc chấp hành thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Kết luận thanh tra 05/KL-TTr ngày 03/7/2012 của Chánh Thanh tra tỉnh: Thu hồi số tiền sai phạm: 1.722.500.000 đồng (trong đó 1.665.982.000 đồng là tiền lợi tức của 06 năm còn lại; số tiền 56.518.000 đồng lãi suất chậm nộp, chậm trả cho ông P).

- Ngày 20/7/2012 UBND huyện có Công văn 949/UBND về việc giải trình phần kiến nghị đối với Kết luận thanh tra 05/KL-TTr ngày 03/7/2012.

- Ngày 23/9/2015 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn 3163/UBND-NC chấp thuận điều chỉnh số tiền lợi tức sau đầu tư mà UBND huyện đã chi sai cho ông P theo Kết luận thanh tra 05/KL-TTr ngày 03/7/2012 số tiền là 786.713.756 đồng. Giao Chủ tịch UBND huyện thu hồi 02 khoản tiền chi sai cho ông P là 843.231.756 đồng (gồm 786.713.756 đồng lợi tức sau đầu tư và 56.518.000 đồng lãi suất chậm nộp) nộp lại ngân sách nhà nước.

Thực hiện Công văn 3163/UBND-NC của Chủ tịch UBND tỉnh, ngày 30/9/2015 Chánh Thanh tra tỉnh ban hành Quyết định 107/QĐ-TT về việc thu hồi tài sản.

Ngày 22/01/2016 UBND huyện L ban hành Quyết định 428/QĐ-UBND về việc thu hồi số tiền 843.231.756 đồng (gồm 786.713.756 đồng lợi tức sau đầu tư + 56.518.000 đồng lãi suất chậm nộp).

Quan điểm của UBND huyện L: Chấp hành thực hiện Kết luận thanh tra 05/KL-TTr ngày 03/7/2012 của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long; Công văn 3163/UBND-NC ngày 23/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long; Quyết định 107/QĐ-TT ngày 30/9/2015 của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi tài sản và Quyết định 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện L về việc thu hồi số tiền 843.231.756 đồng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 03/2019/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 3, 30, 32, 115, 116 điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

+ Bác yêu cầu của ông Hồ Ngọc P về việc hủy Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi tiền của ông Hồ Ngọc P nộp ngân sách nhà nước số tiền 843.231.756 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2019 người khởi kiện ông Hồ Ngọc P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo ông P nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Bên cạnh đó Tòa sơ thẩm

đánh giá chứng cứ một cách không đúng nên dẫn đến việc phán quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông P, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phần tranh luận:

- Ông Hồ Ngọc P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P về việc tuyên bố hủy quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông P là công văn 673 của Uỷ ban nhân dân huyện L ngày 16/5/2014 về việc bổ sung giải trình kết quả thanh tra.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra thì ông trình bày thêm nếu việc cơ quan thanh tra xác định số tiền phải trả cho ông P là sai thì thì người bị thiệt hại chính là đơn vị trúng đấu giá. Xác định phần tài sản bán đấu giá tăng lên so với giá khởi điểm đưa ra đấu giá chính là quyền sử dụng đất

- Đại diện Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và công ty H1 được Hội đồng xét xử triệu tập thêm tại cấp phúc thẩm có ý kiến trình bày xác định giá trị tăng thêm trong kết quả bán đấu giá là giá trị quyền sử dụng đất, còn đối với các khoản còn lại không tăng và bán bằng với giá khởi điểm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Ngọc P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tương đối đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tuy vậy, việc Tòa cấp sơ thẩm không triệu tập công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 (đơn vị trúng đấu giá) và Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia tố tụng là chưa chính xác. Đúng ra căn cứ nội dung vụ án thì cấp sơ thẩm phải xác định công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 và Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 (đơn vị trúng đấu giá) và Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia tố tụng và có ý kiến như sau: Cho rằng việc cấp sơ thẩm không xác định họ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ nội dung này thì, vấn đề thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm và không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2] Nội dung của vụ kiện:

[2.1] Ông Hồ Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi tiền của ông Hồ Ngọc P nộp ngân sách nhà nước số tiền 843.231.756 đồng.

Cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hội đồng nhân dân huyện L đã ban hành Nghị quyết số 86/2010/NQ-HĐTP ngày 29/12/2010 về việc phân phối giá trị quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư vào đất gồm: Chi trả nhà đầu tư (Hồ Ngọc P) 5.298.614.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước 9.200.311.000 đồng. Tổng cộng 14.498.925.000 đồng và cộng giá trị tăng thêm do đấu giá so với giá khởi điểm. Sau khi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H1 Vĩnh Long (TNHH) đấu giá thành với số tiền là 18 tỷ đồng, UBND huyện L đã đồng ý chi trả cho ông số tiền 5.298.614.0000 đồng, nhưng đơn vị trúng giá là Công ty TNHH H1 Vĩnh Long chỉ mới thanh toán cho UBND huyện L một phần, phần tiền của ông là 5.298.614.000 đồng kéo dài 128 ngày (đến ngày 06/8/2011).

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 05/12/2011 giữa Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất huyện L với ông (nhà đầu tư) và đại diện Công ty TNHH H1 Vĩnh Long đồng ý chi trả cho ông phần lãi suất là 0,25% tháng do chậm thanh toán quy thành tiền là 56.518.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái với pháp luật của Công TNHH H1 với ông. Việc thanh tra nêu những sai sót trong việc định giá thì bản thân Ủy ban nhân dân huyện không bị ảnh hưởng hay thiệt hại gì trong việc công ty H1 đấu giá mua và trả tiền cho ông.

[2.2] Phía người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện và nêu lý do UBND huyện L chấp hành việc thực hiện Kết luận thanh tra 05/KL-TTr ngày 03/7/2012 của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long; Công văn 3163/UBND-NC ngày 23/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long; Quyết

định 107/QĐ-TT ngày 30/9/2015 của Thanh tra tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi tài sản để ban hành Quyết định 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện L về việc thu hồi số tiền 843.231.756 đồng của ông P là đúng.

[3] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Việc Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ: *Thứ nhất là* Kết luận thanh tra số 05/KL-TTr ngày 03/7/2012 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra chức trách công vụ trong việc chấp hành thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. *Thứ hai là* Công văn số 3163/UBND-NC ngày 23/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết kiến nghị của Thanh tra về xử lý việc thu hồi tiền của ông P theo Biên bản họp ngày 20/8/2015 thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Vĩnh Long tại Thông báo số 57/TB-UBND ngày 13/8/2015 có nội dung kết luận: Thống nhất xác định Biên bản kiểm tra hiện trạng khu đất ao nuôi cá tại Phú Thuận 2, xã Đ ngày 31/5/2011 mà Thanh tra tỉnh làm cơ sở để trình UBND tỉnh Vĩnh Long giảm trừ thu hồi số tiền lợi tức đã chi cho ông P tại Tờ trình số 15/TTr-TT ngày 26/6/2014 của Thanh tra tỉnh là có cơ sở, thể hiện: Giảm thu hồi số tiền lợi tức đã chi trả cho ông P là 03 năm 02 tháng (từ 31/5/2011 – 28/8/2014): 38 tháng x 23.138.638 đồng/tháng = 879.268.244 đồng. *Thứ ba là* Quyết định số 107/QĐ-TT ngày 30/9/2015 của Chánh Thanh tra tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi tài sản đối với UBND huyện L số tiền 843.231.756 đồng (gồm 786.713.756 đồng lợi tức sau đầu tư và 56.518.000 đồng).

Trên cơ sở quyết định nêu trên, UBND huyện L ban hành Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 về việc thu hồi tiền của ông Hồ Ngọc P nộp ngân sách nhà nước số tiền 843.231.756 đồng là chưa đúng thiếu căn cứ pháp luật bởi:

[3.1] Theo việc trình bày của người bị kiện nêu tại phần nội dung của bản án đã xác định tài sản do Ủy ban nhân dân huyện L tiến hành thẩm định giá và đưa ra bán đấu giá gồm: (1) Giá trị quyền sử dụng đất bên được thụ hưởng nộp ngân sách địa phương; (2) Chi phí đầu tư vào đất (gồm hai khoản là giá trị đầu tư còn lại và *lợi tức đạt được nếu tiếp tục kinh doanh*) người thụ hưởng là ông Hồ Ngọc P. Quá trình thẩm định và tiến hành bán đấu giá như sau:

- Theo kết quả thẩm định thì: Giá đất: 96.659,5m^2 x 88.000 đồng/m^2 = 8.506.036.000 đồng (giá đất năm 2009 áp dụng theo quy định tại Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 là 60.000 đồng/m^2). Chi phí đầu tư vào đất: 5.298.614.000 đồng, trong đó gồm (Giá trị đầu tư còn lại 3.266.631.632 đồng. Giá trị đã có tính lợi thế sau đầu tư là: 366.000.000 đồng; Lợi tức đạt được nếu tiếp tục sản xuất, theo phương pháp tính bằng lãi suất ngân hàng trong 06 năm còn lại từ năm 2009-2014 là 1.665.982.000 đồng). Tổng giá trị hai khoản là 13.804.650.000 đồng.

- Ngày 24/6/2010 UBND huyện lập Tờ trình 80/TTr-UBND gởi Sở Tài chính tỉnh về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất và tỷ lệ % giá trị tăng thêm (kèm theo Chứng thư thẩm định). Ngày 22/7/2010 Sở Tài chính có

Tờ trình 179/TTr.STC trình UBND tỉnh phê duyệt giá sàn để bán đấu giá quyền sử dụng đất giá là 150.000 đồng/m^2. UBND tỉnh có Công văn 2339/UBND KTTH ngày 04/8/2010 phê duyệt giá sàn bán đấu giá là 150.000 đồng/m^2.

Thường trực huyện ủy và Hội đồng nhân dân huyện được chấp thuận phương án đấu giá là 150.000 đồng/m^2. Tổng giá trị đấu giá là 14.498.925.000 đồng (96.659,5m^2 x 150.000 đồng/m^2), trong đó:

+ Giữ nguyên giá trị chi phí đầu tư vào đất: 5.298.614.000 đồng.

+ Nộp ngân sách phần giá trị đất theo giá sàn: 9.200.311.000 đồng cộng phần giá trị tăng thêm so với giá sàn sau khi đấu giá thành.

- Kết quả bán đấu giá: Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 tham gia đấu giá thành công với giá mua là 18 tỷ đồng.

[3.2] Các bên đương sự gồm đại diện theo Uỷ ban nhân dân huyện L, đại diện Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xác định phần tài sản bán đấu giá tăng lên so với giá khởi điểm đưa ra đấu giá chính là quyền sử dụng đất, phần chi phí đầu tư vào đất do ông P được thụ hưởng giữ nguyên không tăng không giảm. Công ty H1 chấp nhận mua khoản chi phí đầu tư vào đất với tổng số tiền là 5,298.614.000 đồng không có ý kiến nào khác.

[3.3] Với các chứng cứ các bên công nhận và được phân tích nêu trên đủ cơ sở xác định cho dù kết luận của chánh thanh tra cho rằng việc định giá đối với khoản *lợi tức đạt được nếu tiếp tục kinh doanh* mà ông P được thụ hưởng khi bán đấu giá là nhỏ hơn so với kết quả thẩm định giá là đúng. Thì vấn đề đặt ra ở đây là cho dù giá *lợi tức đạt được nếu tiếp tục kinh doanh* được thẩm định giá cao hay thấp hơn so với thực tế thì bên bị ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp chỉ là ông P và Công ty H1 chứ không phải là Ngân sách nhà nước (phía người bị kiện). Đây là giao dịch dân sự của hai bên đương sự thuận mua vừa bán không có khiếu nại tranh chấp và không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân khác thì được pháp luật công nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Ngọc P, sửa bản án sơ thẩm theo nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Ngọc P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi tiền của ông Hồ Ngọc P nộp ngân sách nhà nước số tiền 843.231.756 đồng. Do sửa bản án sơ thẩm nên ông P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện được chấp nhận nên, người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015;

I/ Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Hồ Ngọc P. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2019/HC-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hồ Ngọc P về việc: Hủy Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi tiền của ông Hồ Ngọc P nộp ngân sách nhà nước số tiền 843.231.756 đồng.

Về án phí hành chính sự sơ thẩm: Ông Hồ Ngọc P không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000370 ngày 31/10/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Người bị kiện Uỷ ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long phải chịu 300.000 đồng

II/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hồ Ngọc P không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00001319 ngày 02/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (2);
- Lưu (10) 19b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên